

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 447/2024/DS-PT

Ngày: 23/8/2024

V/v tranh chấp “Quyền sử
dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng
quyền sử dụng đất”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Tính**

Các thẩm phán: Ông **Võ Thanh Bình**

Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Phong**, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Hà Ngọc Thư Trúc**, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 211/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp “Quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 253/2024/QĐ-PT ngày 16/5/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Hữu D**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Bà **Trần Thị T (Trần Thị Lệ T1)**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Ông **Nguyễn Đức P**, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T.

Địa chỉ: Số H, N, phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hữu T2** - Chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Minh H** – Phó trưởng phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3.2. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đoàn Văn P1** - Chức vụ: Chi cục trưởng.

Đại diện ủy quyền cho ông P1 có ông **Lê Nguyễn Phương T3** – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

3.3. Anh **Huỳnh Văn V**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Ông **Nguyễn Văn X**, sinh năm 1947.

Địa chỉ: ấp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

3.5. Ông **Đặng Văn K**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền cho anh V, ông X và ông K: Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số A L, Khu phố H, phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3.6. Bà **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An;

3.7. Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện T, tỉnh Long An;

3.8. **Công ty TNHH MTV L2.**

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn Đ, sinh năm 1985 - Chức vụ: Giám đốc.

3.9. Ông **Trần Văn N**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An;

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1970 (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02/4/2024).

- Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

3.10. Ông **Lê Văn T4**, sinh năm 1966 và bà **Bùi Thị Lệ L**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Long An;

3.11. Anh **Nguyễn Văn Đ1**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An;

3.12. Anh **Nguyễn Văn T5**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An;

3.13. Anh **Lê Văn Đ2**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An;

3.14. Anh **Phan Văn T6**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An;

3.15. Bà **Đặng Thị V1**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: ấp K, xã N, huyện T, tỉnh Long An;

3.16. **Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.**

Địa chỉ: số E, đường B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Thanh H2 - Chức vụ: Chi cục trưởng.

3.17. **UBND xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.**

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Ngọc Đ3 - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ3:

- Bà **Nguyễn Thị T7** – Phó Chủ tịch ủy ban nhân dân xã T.

3.18. Ông **Trần Văn V2**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (*Người có công trình xây dựng trên phần đất tranh chấp*).

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hộ ông P1, bà T:*

- 4.1. Anh **Nguyễn Phước V3**, sinh năm 1997;
- 4.2. Chị **Nguyễn Thị Tây N1**, sinh năm 1998;
- 4.3. Anh **Nguyễn Vinh E**, sinh năm 2003.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Trần Hữu D.

- Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại Đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 13/11/2017 nguyên đơn ông Trần Hữu D trình bày:*

Tôi là chủ các phần đất tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang và tài sản gắn liền với đất gồm khoảng 15.000 gốc cây thanh long từ 02 đến 03 năm tuổi + trụ sạ và 01 bình điện hạ thế + trụ điện hạ thế + dây điện. Đất điều chỉnh sang tên tôi tại mục IV của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

1. Số thửa 291, diện tích 14.691m², tờ bản đồ số C4, loại đất rừng sản xuất, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/5/2014, số CH00682.

2. Số thửa 292, diện tích 14.585m², tờ bản đồ số C4, loại đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/12/2013, số CH00628.

3. Số thửa 316, diện tích 15.925m², tờ bản đồ số C4, loại đất rừng sản xuất, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/12/2013, số CH00629.

4. Số thửa 315, diện tích 15.926m², tờ bản đồ số C4, loại đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/5/2014, số CH00683.

5. Số thửa 479, diện tích 29.096m², tờ bản đồ số C4, loại đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/5/2014, số CH00684.

6. Số thửa 305, diện tích 15.692m², tờ bản đồ số C4, loại đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/12/2013, số CH00627.

7. Số thửa 304, diện tích 15.925m², tờ bản đồ số C4, loại đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/12/2013, số CH00635.

8. Số thửa 306, diện tích 15.926m², tờ bản đồ số C4, loại đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/12/2013, số CH00634.

Nguồn gốc do tôi nhận chuyển nhượng của vợ chồng chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P, theo các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 34 và 35 ngày 25/5/2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Việc thỏa thuận chuyển nhượng có sự ghi nhận của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Số tiền chuyển nhượng của 08 thửa đất nêu trên là 5.700.003.000 đồng, tôi đã giao nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước để vợ chồng ông

P thi hành án cho những người khác. Việc chuyển nhượng đã hoàn tất tuy nhiên vợ chồng ông P, bà T không giao đất cho tôi.

Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; giao cho tôi các tài sản trên đất gồm khoảng 15.000 gốc cây thanh long từ 02 đến 03 năm tuổi + trụ sắn và 01 bình điện hạ thế + trụ điện hạ thế + dây điện và 08 thửa đất nêu trên có tổng diện tích là 137.766m² tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang do tôi đang đứng tên quyền sử dụng đất.

- *Tại đơn phản tố ngày 06/12/2017 bị đơn chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P trình bày:*

Vào khoảng tháng 02/2017 vợ chồng tôi phải thi hành 05 bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước cho 05 nguyên đơn với số tiền 5.485.000.000 đồng. Trong lúc khó khăn chúng tôi có nhờ ông Trần Hữu D cho chúng tôi vay số tiền 5.700.000.000 đồng để chúng tôi thi hành 05 bản án nêu trên tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Ngược lại vợ chồng tôi phải thế chấp cho ông D 08 thửa đất và ông D vẫn cho chúng tôi tiếp tục quản lý canh tác 08 thửa đất này để bán trái thanh long ông D và trả lãi cho ông D theo lãi suất Ngân hàng trên số tiền 5,7 tỉ đồng đã vay. Trong thời hạn 03 năm ông D cho chúng tôi chuộc lại 08 thửa đất nêu trên. Để đảm bảo cho việc vay tiền có thể chấp tài sản ông D yêu cầu chúng tôi phải lập biên bản thỏa thuận thi hành án với hình thức chúng tôi phải chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên cho ông D. Sau đó ông D tự đi đăng ký quyền sử dụng đất và được ghi nhận vào trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi được ghi nhận vào trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông D khởi kiện chúng tôi để đòi quyền sử dụng đất và tài sản trên đất trong khi chúng tôi không có chuyển nhượng tài sản trên đất cho ông D.

Hiện tại tôi còn phải thi hành án cho rất nhiều người và còn nhiều người kiện vợ chồng tôi. Chúng tôi chỉ còn bao nhiêu tài sản này để đảm bảo thi hành án cho nhiều người. Vì vậy vợ chồng tôi yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng 08 thửa đất trên với ông Trần Hữu D, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D.

- *Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 17/11/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn V trình bày:*

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P có nợ tôi số tiền 593.050.000 đồng, tôi đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An giải quyết bằng Quyết định số 55/2016/QĐST-DS ngày 29/6/2016. Tôi đã yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Quyết định số 708/QĐ-CCTHADS ngày 11/7/2016 thi hành án theo đơn yêu cầu của tôi. Tôi có xin cung cấp thông tin về tài sản của ông P, bà T tại huyện T và được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 31/8/2016 là ông P, bà T có 08 thửa đất tại xã T. Ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Thông báo số 786/TB-CCTHADS về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T gửi cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T với nội dung thông báo về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T đối với 25 bản án và đề nghị Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T không cho ông P và bà T được làm thủ tục chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp 08 thửa

đất tại xã T khi chưa có ý kiến bằng văn bản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh. Để đảm bảo cho việc thi hành 25 bản án, quyết định nêu trên. Thông báo số 786/TB-CCTHADS ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã được tổng đạt hợp lệ cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

Ngày 23/5/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước lập biên bản thỏa thuận cho ông P, bà T được chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên cho ông Trần Hữu D với giá 5,7 tỉ đồng và ông D nộp tiền vào thi hành án T để thi hành cho 05 bản án mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang phải thi hành.

Trên cơ sở thỏa thuận đó, ngày 25/5/2017 ông P, bà T và ông D đã đến Ủy ban nhân dân xã T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 08 thửa đất nêu trên và ông D đã được đứng tên vào trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy việc thỏa thuận giữa ông P, bà T và ông D là không phù hợp thực tế về giá chuyển nhượng, mục đích nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, trái quy định của pháp luật, xâm phạm lợi ích của tôi và nhiều người khác.

Vì vậy tôi yêu cầu: Hủy biên bản thỏa thuận về việc thi hành án ngày ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước; Hủy hợp đồng chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D.

- Ngày 26/02/2018 anh Huỳnh Văn V có đơn khởi kiện bổ sung xác định:

Tôi là cháu của ông Nguyễn Đức P. Vào năm 2013 vợ chồng ông P, bà T có nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn T8, sinh năm 1946 ngụ tại Khu A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang 08 thửa đất như đã nêu trên với tổng diện tích là 137.766m² tại ấp M, xã T, huyện T. Do vợ chồng ông P, bà T không có đủ tiền và tôi là cháu ruột ông P nên vợ chồng ông P có kêu tôi cùng bỏ tiền ra mua 01 phần đất trong diện tích đất đó, vì ông T8 bán toàn bộ 08 thửa đất chứ không bán lẻ. Tôi cũng đồng ý và bỏ tiền ra mua diện tích đất là 10.000m² với giá là 230.000.000 đồng và canh tác cho đến nay. Do vì tình cảm gia đình và tôi không có tiền nộp thuế sang tên quyền sử dụng đất nên tôi có đồng ý để cho bà Trần Thị T đứng tên dùm chủ quyền phần đất của tôi đã mua của ông Bùi Văn T8. Thực tế phần đất 10.000m² mà tôi đã nhận chuyển nhượng của ông T8 là nằm trong số thửa 291, diện tích 14.691m², tờ bản đồ số C4, loại đất rừng sản xuất, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/5/2014, số CH00682 do bà Trần Thị T đứng tên. Phần đất tôi nhận chuyển nhượng của ông T8 canh tác có ranh giới rõ ràng, riêng biệt và tôi canh tác từ khi nhận chuyển nhượng đất cho đến nay.

Tuy nhiên đến ngày 23/5/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang lập biên bản thỏa thuận thi hành án cho vợ chồng ông P chuyển nhượng toàn bộ 08 thửa đất nêu trên cho ông Trần Hữu D, trong đó có cả phần đất 10.000m² của tôi đã nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn T8 nằm trong số thửa 291, diện tích 14.691m², tờ bản đồ số C4, loại đất rừng sản xuất, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/5/2014, số CH00682 do bà Trần Thị T đứng tên, làm thiệt hại cho quyền lợi của tôi.

Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết: Buộc ông Nguyễn Đức P, và bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ tách chuyển quyền sử dụng đất cho tôi diện tích 10.000m² nằm trong số thửa 291, diện tích 14.691m², tờ bản đồ số C4, loại đất rừng sản xuất, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/5/2014, số CH00682 do bà Trần Thị T đứng tên, có tứ cận như sau: Đông giáp Kênh nội đồng; Tây giáp đường Đ 21; Nam giáp phần đất còn lại của số thửa 291 do bà Trần Thị T1 đứng tên; Bắc giáp đất Nguyễn Văn P2 số thửa 543. Yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- *Tại đơn khởi kiện ngày 02/4/2018 người có liên quan anh Nguyễn Văn H1 xác định:*

Tôi là em ruột của ông Nguyễn Đức P. Vào năm 2013 vợ chồng ông P, bà T có nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn T8, sinh năm 1946 ngụ tại Khu A, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang 08 thửa đất như đã nêu trên với tổng diện tích là 137.766m² tại ấp M, xã T, huyện T. Do vợ chồng ông P, bà T không có đủ tiền và tôi là em ruột ông P nên vợ chồng ông P có kêu tôi cùng bỏ tiền ra mua 01 phần đất trong diện tích đất đó, vì ông T8 bán toàn bộ 08 thửa đất chứ không bán lẻ. Tôi cũng đồng ý và bỏ tiền ra mua diện tích đất là 23.000m² gồm thửa 316, một phần thửa 315 và một phần thửa 479. Sau khi giao tiền tôi đã nhận đất và canh tác cho đến nay. Do vì tình cảm gia đình khi làm thủ tục chuyển nhượng đất thì anh P, chị T đề nghị tôi để cho anh P, chị T đứng tên giùm chủ quyền phần đất của tôi đã mua của ông Bùi Văn T8 để anh P, chị T tiện vay vốn Ngân hàng để có số tiền lớn đầu tư trồng cây thanh long trên diện tích đất đã mua. Thỏa thuận khi trả nợ được Ngân hàng xong lấy giấy tờ ra sẽ sang tên lại cho tôi. Phần đất tôi nhận chuyển nhượng của ông T8 canh tác có ranh giới rõ ràng, riêng biệt và tôi canh tác từ khi nhận chuyển nhượng đất cho đến nay.

Tuy nhiên đến ngày 23/5/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang lập biên bản thỏa thuận thi hành án cho vợ chồng ông P chuyển nhượng toàn bộ 08 thửa đất nêu trên cho ông Trần Hữu D, trong đó có cả phần đất 23.000m² của tôi đã nhận chuyển nhượng của ông Bùi Văn T8 nằm trong số thửa 316, diện tích 15.925m², một phần thửa 479, một phần thửa 315, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Đức P bà Trần Thị T đứng tên, làm thiệt hại cho quyền lợi của tôi.

Vì vậy tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết: Buộc ông Nguyễn Đức P, và bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ tách chuyển quyền sử dụng đất cho tôi diện tích 23.800m² gồm: Toàn bộ thửa đất số 316, tờ bản đồ C4, diện tích 15.925m², loại đất rừng sản xuất, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/12/2013, số CH00629 do ông Nguyễn Đức P đứng tên; Một phần thửa đất số 479, tờ bản đồ C4, nằm trong tổng diện tích 29.096m², loại đất trồng cây lâu năm, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/5/2014, số CH00648 do bà Trần Thị T đứng tên và Một phần thửa đất số 315, tờ bản đồ C4, nằm trong tổng diện tích 15.926m², loại đất trồng cây lâu năm, Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/5/2014, số CH00683 do bà Trần Thị T đứng tên. Yêu cầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- *Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn X trình bày:*

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P có nợ tôi số tiền 3.814.000.000 đồng và 400.000.000 đồng, tôi đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An giải quyết bằng Quyết định số 36/2016/QĐST-DS ngày 10/6/2016 và Quyết định số 38/2016/QĐST-DS ngày 10/6/2016. Tôi đã yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Quyết định số 698/QĐ-CCTHADS ngày 08/7/2016 và Quyết định số 727/QĐ-CCTHADS ngày 20/7/2016 thi hành án theo đơn yêu cầu của tôi. Tôi có xin cung cấp thông tin về tài sản của ông P, bà T tại huyện T và được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 31/8/2016 là ông P, bà T có 08 thửa đất tại xã T. Ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Thông báo số 786/TB-CCTHADS về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T gửi cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T với nội dung thông báo về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T đối với 25 bản án và đề nghị Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T không cho ông P và bà T được làm thủ tục chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp 08 thửa đất tại xã T khi chưa có ý kiến bằng văn bản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh. Để đảm bảo cho việc thi hành 25 bản án, quyết định nêu trên. Thông báo số 786/TB-CCTHADS ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã được tổng đạt hợp lệ cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

Ngày 23/5/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước lập biên bản thỏa thuận cho ông P, bà T được chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên cho ông Trần Hữu D với giá 5,7 tỷ đồng và ông D nộp tiền vào thi hành án T để thi hành cho 05 bản án mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang phải thi hành.

Trên cơ sở thỏa thuận đó, ngày 25/5/2017 ông P, bà T và ông D đã đến Ủy ban nhân dân xã T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 08 thửa đất nêu trên và ông D đã được đứng tên vào trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy việc thỏa thuận giữa ông P, bà T và ông D là không phù hợp thực tế về giá chuyển nhượng, mục đích nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, trái quy định của pháp luật, xâm phạm lợi ích của tôi và nhiều người khác.

Vì vậy tôi yêu cầu: Hủy biên bản thỏa thuận về việc thi hành án ngày ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước; Hủy hợp đồng chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D.

- *Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn K trình bày:*

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P có nợ tôi số tiền 5.380.000.000 đồng, tôi đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An giải quyết bằng Quyết định số 39/2016/QĐST-DS ngày 15/6/2016. Tôi đã yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Quyết định số 727/QĐ-CCTHADS ngày 20/7/2016 thi hành án theo đơn yêu cầu của tôi. Tôi có xin cung cấp thông tin về tài sản của ông P, bà T tại huyện T và được Ủy ban nhân dân xã T

xác nhận ngày 31/8/2016 là ông P, bà T có 08 thửa đất tại xã T. Ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Thông báo số 786/TB-CCTHADS về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T gửi cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T với nội dung thông báo về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T đối với 25 bản án và đề nghị Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T không cho ông P và bà T được làm thủ tục chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp 08 thửa đất tại xã T khi chưa có ý kiến bằng văn bản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh. Để đảm bảo cho việc thi hành 25 bản án, quyết định nêu trên. Thông báo số 786/TB-CCTHADS ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã được tổng đạt hợp lệ cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

Ngày 23/5/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước lập biên bản thỏa thuận cho ông P, bà T được chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên cho ông Trần Hữu D với giá 5,7 tỷ đồng và ông D nộp tiền vào thi hành án T để thi hành cho 05 bản án mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang phải thi hành.

Trên cơ sở thỏa thuận đó, ngày 25/5/2017 ông P, bà T và ông D đã đến Ủy ban nhân dân xã T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 08 thửa đất nêu trên và ông D đã được đứng tên vào trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy việc thỏa thuận giữa ông P, bà T và ông D là không phù hợp thực tế về giá chuyển nhượng, mục đích nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, trái quy định của pháp luật, xâm phạm lợi ích của tôi và nhiều người khác.

Vì vậy tôi yêu cầu: Hủy biên bản thỏa thuận về việc thi hành án ngày ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước; Hủy hợp đồng chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D.

- Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 15/12/2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P có nợ tôi số tiền 200.000.000 đồng, tôi đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An giải quyết bằng Quyết định số 35/2016/QĐST-DS ngày 10/6/2016. Tôi đã yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Quyết định số 694/QĐ-CCTHADS ngày 08/7/2016 thi hành án theo đơn yêu cầu của tôi. Tôi có xin cung cấp thông tin về tài sản của ông P, bà T tại huyện T và được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 31/8/2016 là ông P, bà T có 08 thửa đất tại xã T. Ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Thông báo số 786/TB-CCTHADS về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T gửi cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T với nội dung thông báo về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T đối với 25 bản án và đề nghị Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T không cho ông P và bà T được làm thủ tục chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp 08 thửa đất tại xã T khi chưa có ý kiến bằng văn bản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh. Để đảm bảo cho việc thi hành 25 bản án, quyết định nêu trên. Thông báo số 786/TB-CCTHADS ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân

Thanh đã được tổng đạt hợp lệ cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

Ngày 23/5/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước lập biên bản thỏa thuận cho ông P, bà T được chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên cho ông Trần Hữu D với giá 5,7 tỷ đồng và ông D nộp tiền vào thi hành án T để thi hành cho 05 bản án mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang phải thi hành.

Trên cơ sở thỏa thuận đó, ngày 25/5/2017 ông P, bà T và ông D đã đến Ủy ban nhân dân xã T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 08 thửa đất nêu trên và ông D đã được đứng tên vào trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy việc thỏa thuận giữa ông P, bà T và ông D là không phù hợp thực tế về giá chuyển nhượng, mục đích nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, trái quy định của pháp luật, xâm phạm lợi ích của tôi và nhiều người khác.

Vì vậy tôi yêu cầu: Hủy biên bản thỏa thuận về việc thi hành án ngày ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước; Hủy hợp đồng chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D.

- Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 29/11/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N trình bày:

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P có nợ tôi số tiền 5.730.000.000 đồng, tôi đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An giải quyết bằng Quyết định số 41/2016/QĐST-DS ngày 15/6/2016. Tôi đã yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Quyết định số 694/QĐ-CCTHADS ngày 08/7/2016 thi hành án theo đơn yêu cầu của tôi. Tôi có xin cung cấp thông tin về tài sản của ông P, bà T tại huyện T và được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 31/8/2016 là ông P, bà T có 08 thửa đất tại xã T. Ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Thông báo số 786/TB-CCTHADS về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T gửi cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T với nội dung thông báo về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T đối với 25 bản án và đề nghị Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T không cho ông P và bà T được làm thủ tục chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp 08 thửa đất tại xã T khi chưa có ý kiến bằng văn bản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh. Để đảm bảo cho việc thi hành 25 bản án, quyết định nêu trên. Thông báo số 786/TB-CCTHADS ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã được tổng đạt hợp lệ cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

Ngày 23/5/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước lập biên bản thỏa thuận cho ông P, bà T được chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên cho ông Trần Hữu D với giá 5,7 tỷ đồng và ông D nộp tiền vào thi hành án T để thi hành cho 05 bản án mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang phải thi hành.

Trên cơ sở thỏa thuận đó, ngày 25/5/2017 ông P, bà T và ông D đã đến Ủy ban nhân dân xã T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 08 thửa đất nêu trên và ông D đã được đứng tên vào trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy việc thỏa thuận giữa ông P, bà T và ông D là không phù hợp thực tế về giá chuyển nhượng, mục đích nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, trái quy định của pháp luật, xâm phạm lợi ích của tôi và nhiều người khác.

Vì vậy tôi yêu cầu: Hủy hợp đồng chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D.

- *Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 19/11/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T4 và bà Bùi Thị Lệ L trình bày:*

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P có nợ vợ chồng tôi số tiền 2.905.000.000 đồng, tôi đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An giải quyết bằng Quyết định số 66/2016/QĐST-DS ngày 12/8/2016. Tôi đã yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Quyết định số 25/QĐ-CCTHADS ngày 07/10/2016 thi hành án theo đơn yêu cầu của tôi. Tôi có xin cung cấp thông tin về tài sản của ông P, bà T tại huyện T và được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 31/8/2016 là ông P, bà T có 08 thửa đất tại xã T. Ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Thông báo số 786/TB-CCTHADS về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T gửi cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T với nội dung thông báo về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T đối với 25 bản án và đề nghị Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T không cho ông P và bà T được làm thủ tục chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp 08 thửa đất tại xã T khi chưa có ý kiến bằng văn bản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh. Để đảm bảo cho việc thi hành 25 bản án, quyết định nêu trên. Thông báo số 786/TB-CCTHADS ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã được tổng đạt hợp lệ cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

Ngày 23/5/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước lập biên bản thỏa thuận cho ông P, bà T được chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên cho ông Trần Hữu D với giá 5,7 tỷ đồng và ông D nộp tiền vào thi hành án T để thi hành cho 05 bản án mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang phải thi hành.

Trên cơ sở thỏa thuận đó, ngày 25/5/2017 ông P, bà T và ông D đã đến Ủy ban nhân dân xã T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 08 thửa đất nêu trên và ông D đã được đứng tên vào trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy việc thỏa thuận giữa ông P, bà T và ông D là không phù hợp thực tế về giá chuyển nhượng, mục đích nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, trái quy định của pháp luật, xâm phạm lợi ích của tôi và nhiều người khác.

Vì vậy tôi yêu cầu: Hủy hợp đồng chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D.

- *Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 14/11/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV L2 trình bày:*

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P có nợ Công ty số tiền 425.600.000 đồng tiền mua máy gặt lúa chưa thanh toán, chúng tôi đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang giải quyết bằng Quyết định số

41/2017/QĐST-DS ngày 13/9/2017. Chúng tôi đã yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước đã ra Quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu của chúng tôi nhưng đến nay chưa thi hành được. Tôi có cung cấp thông tin về tài sản của ông P, bà T tại huyện T là 08 thửa đất tại xã T. Tuy nhiên ngày 23/5/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước lập biên bản thỏa thuận cho ông P, bà T được chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên cho ông Trần Hữu D với giá 5,7 tỷ đồng và ông D nộp tiền vào thi hành án T để thi hành cho 05 bản án mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang phải thi hành.

Trên cơ sở thỏa thuận đó, ngày 25/5/2017 ông P, bà T và ông D đã đến Ủy ban nhân dân xã T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 08 thửa đất nêu trên và ông D đã được đứng tên vào trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy việc thỏa thuận giữa ông P, bà T và ông D là không phù hợp thực tế về giá chuyển nhượng, mục đích nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, trái quy định của pháp luật, xâm phạm lợi ích của tôi và nhiều người khác.

Vì vậy tôi yêu cầu: Hủy hợp đồng chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D.

- Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 20/3/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ1 trình bày:

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P có nợ tôi số tiền 559.000.000 đồng, tôi đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An giải quyết bằng Quyết định số 52/2016/QĐST-DS ngày 21/6/2016. Tôi đã yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Quyết định số 706/QĐ-CCTHADS ngày 11/7/2016 thi hành án theo đơn yêu cầu của tôi. Tôi có xin cung cấp thông tin về tài sản của ông P, bà T tại huyện T và được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 31/8/2016 là ông P, bà T có 08 thửa đất tại xã T. Ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Thông báo số 786/TB-CCTHADS về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T gửi cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T với nội dung thông báo về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T đối với 25 bản án và đề nghị Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T không cho ông P và bà T được làm thủ tục chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp 08 thửa đất tại xã T khi chưa có ý kiến bằng văn bản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh. Để đảm bảo cho việc thi hành 25 bản án, quyết định nêu trên. Thông báo số 786/TB-CCTHADS ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã được tổng đạt hợp lệ cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

Ngày 23/5/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước lập biên bản thỏa thuận cho ông P, bà T được chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên cho ông Trần Hữu D với giá 5,7 tỷ đồng và ông D nộp tiền vào thi hành án T để thi hành cho 05 bản án mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang phải thi hành.

Trên cơ sở thỏa thuận đó, ngày 25/5/2017 ông P, bà T và ông D đã đến Ủy ban nhân dân xã T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 08 thửa

đất nêu trên và ông D đã được đứng tên vào trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy việc thỏa thuận giữa ông P, bà T và ông D là không phù hợp thực tế về giá chuyển nhượng, mục đích nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, trái quy định của pháp luật, xâm phạm lợi ích của tôi và nhiều người khác.

Vì vậy tôi yêu cầu: Hủy biên bản thỏa thuận về việc thi hành án ngày ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước; Hủy hợp đồng chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D.

- *Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 02/12/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T5 trình bày:*

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P có nợ tôi số tiền 203.750.000 đồng, tôi đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An giải quyết bằng Quyết định số 53/2016/QĐST-DS ngày 29/6/2016. Tôi đã yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Quyết định số 703/QĐ-CCTHADS ngày 11/7/2016 thi hành án theo đơn yêu cầu của tôi. Tôi có xin cung cấp thông tin về tài sản của ông P, bà T tại huyện T và được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 31/8/2016 là ông P, bà T có 08 thửa đất tại xã T. Ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Thông báo số 786/TB-CCTHADS về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T gửi cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T với nội dung thông báo về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T đối với 25 bản án và đề nghị Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T không cho ông P và bà T được làm thủ tục chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp 08 thửa đất tại xã T khi chưa có ý kiến bằng văn bản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh. Để đảm bảo cho việc thi hành 25 bản án, quyết định nêu trên. Thông báo số 786/TB-CCTHADS ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã được tổng đạt hợp lệ cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

Ngày 23/5/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước lập biên bản thỏa thuận cho ông P, bà T được chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên cho ông Trần Hữu D với giá 5,7 tỷ đồng và ông D nộp tiền vào thi hành án T để thi hành cho 05 bản án mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang phải thi hành.

Trên cơ sở thỏa thuận đó, ngày 25/5/2017 ông P, bà T và ông D đã đến Ủy ban nhân dân xã T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 08 thửa đất nêu trên và ông D đã được đứng tên vào trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy việc thỏa thuận giữa ông P, bà T và ông D là không phù hợp thực tế về giá chuyển nhượng, mục đích nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, trái quy định của pháp luật, xâm phạm lợi ích của tôi và nhiều người khác.

Vì vậy tôi yêu cầu: Hủy hợp đồng chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D.

- *Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 20/3/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Đ2 trình bày:*

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P có nợ tôi số tiền 1.151.862.500 đồng và 850.527.000 đồng, tôi đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An giải quyết bằng Quyết định số 114/2016/QĐST-DS ngày 23/11/2016 và Quyết định số 26/2017/QĐST-DS ngày 22/5/2017. Tôi đã yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Quyết định số 283/QĐ-CCTHADS ngày 20/12/2016 và Quyết định số 741/QĐ-CCTHADS ngày 28/6/2017 thi hành án theo đơn yêu cầu của tôi. Tôi có xin cung cấp thông tin về tài sản của ông P, bà T tại huyện T và được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 31/8/2016 là ông P, bà T có 08 thửa đất tại xã T. Ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Thông báo số 786/TB-CCTHADS về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T gửi cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T với nội dung thông báo về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T đối với 25 bản án và đề nghị Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T không cho ông P và bà T được làm thủ tục chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp 08 thửa đất tại xã T khi chưa có ý kiến bằng văn bản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh. Để đảm bảo cho việc thi hành 25 bản án, quyết định nêu trên. Thông báo số 786/TB-CCTHADS ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã được tổng đạt hợp lệ cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

Ngày 23/5/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước lập biên bản thỏa thuận cho ông P, bà T được chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên cho ông Trần Hữu D với giá 5,7 tỷ đồng và ông D nộp tiền vào thi hành án T để thi hành cho 05 bản án mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang phải thi hành.

Trên cơ sở thỏa thuận đó, ngày 25/5/2017 ông P, bà T và ông D đã đến Ủy ban nhân dân xã T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 08 thửa đất nêu trên và ông D đã được đứng tên vào trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy việc thỏa thuận giữa ông P, bà T và ông D là không phù hợp thực tế về giá chuyển nhượng, mục đích nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, trái quy định của pháp luật, xâm phạm lợi ích của tôi và nhiều người khác.

Vì vậy tôi yêu cầu: Hủy biên bản thỏa thuận về việc thi hành án ngày ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước; Hủy hợp đồng chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D.

- *Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 29/3/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phan Văn T6 trình bày:*

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P có nợ tôi số tiền 205.000.000 đồng, tôi đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An giải quyết bằng Quyết định số 50/2016/QĐST-DS ngày 29/6/2016. Tôi đã yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Quyết định số 702/QĐ-CCTHADS ngày 11/7/2016 thi hành án theo đơn yêu cầu của tôi. Tôi có xin cung cấp thông tin về tài sản của ông P, bà T tại huyện T và được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 31/8/2016 là ông P, bà T có 08 thửa đất tại xã T. Ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Thông báo số 786/TB-

CCTHADS về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T gửi cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T với nội dung thông báo về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T đối với 25 bản án và đề nghị Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T không cho ông P và bà T được làm thủ tục chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp 08 thửa đất tại xã T khi chưa có ý kiến bằng văn bản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh. Để đảm bảo cho việc thi hành 25 bản án, quyết định nêu trên. Thông báo số 786/TB-CCTHADS ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã được tổng đạt hợp lệ cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

Ngày 23/5/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước lập biên bản thỏa thuận cho ông P, bà T được chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên cho ông Trần Hữu D với giá 5,7 tỷ đồng và ông D nộp tiền vào thi hành án T để thi hành cho 05 bản án mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang phải thi hành.

Trên cơ sở thỏa thuận đó, ngày 25/5/2017 ông P, bà T và ông D đã đến Ủy ban nhân dân xã T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 08 thửa đất nêu trên và ông D đã được đứng tên vào trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy việc thỏa thuận giữa ông P, bà T và ông D là không phù hợp thực tế về giá chuyển nhượng, mục đích nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, trái quy định của pháp luật, xâm phạm lợi ích của tôi và nhiều người khác.

Vì vậy tôi yêu cầu: Hủy hợp đồng chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên giữa bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D.

- Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập ngày 07/01/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị V1 trình bày:

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P có nợ tôi số tiền 500.000.000 đồng, tôi đã khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An giải quyết bằng Quyết định số 64/2016/QĐST-DS ngày 05/8/2016. Tôi đã yêu cầu thi hành án và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Q thi hành án theo đơn yêu cầu của tôi. Tôi có xin cung cấp thông tin về tài sản của ông P, bà T tại huyện T và được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận ngày 31/8/2016 là ông P, bà T có 08 thửa đất tại xã T. Ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã ra Thông báo số 786/TB-CCTHADS về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T gửi cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T với nội dung thông báo về nghĩa vụ thi hành án của ông P, bà T đối với 25 bản án và đề nghị Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T không cho ông P và bà T được làm thủ tục chuyển đổi, tặng cho, bán, chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp 08 thửa đất tại xã T khi chưa có ý kiến bằng văn bản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh. Để đảm bảo cho việc thi hành 25 bản án, quyết định nêu trên. Thông báo số 786/TB-CCTHADS ngày 26/8/2016 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh đã được tổng đạt hợp lệ cho Ủy ban nhân dân xã T và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T.

Ngày 23/5/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước lập biên bản thỏa thuận cho ông P, bà T được chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên cho ông Trần

Hữu D với giá 5,7 tỷ đồng và ông D nộp tiền vào thi hành án T để thi hành cho 05 bản án mà Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang phải thi hành.

Trên cơ sở thỏa thuận đó, ngày 25/5/2017 ông P, bà T và ông D đã đến Ủy ban nhân dân xã T lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với 08 thửa đất nêu trên và ông D đã được đứng tên vào trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy việc thỏa thuận giữa ông P, bà T và ông D là không phù hợp thực tế về giá chuyển nhượng, mục đích nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, trái quy định của pháp luật, xâm phạm lợi ích của tôi và nhiều người khác.

Vì vậy tôi yêu cầu: Hủy hợp đồng chuyển nhượng 08 thửa đất nêu trên giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông D.

- *Tại tờ tự khai ngày 20/12/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn V2 trình bày:*

Tôi có một phần đất giáp với hộ ông Nguyễn Văn K2. Trong vụ án này tôi có liên quan đến 01 căn nhà tạm hiện tôi xây dựng một phần trên phần đất của anh P và chị T hiện do anh V đang canh tác, một phần trên phần đất của anh Nguyễn Văn K2 vào khoảng năm 2003 để lên đất canh tác có chỗ để ở và chứa vật dụng. Nay chị T, anh P có khởi kiện tranh chấp với ông D, tôi có ý kiến là tôi đồng ý tự di dời, không yêu cầu chi phí hỗ trợ di dời căn nhà tạm nêu trên để trả lại mặt bằng trên phần đất tranh chấp khi Tòa án xét xử.

Nay tôi xin Tòa án cho tôi được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nêu trên tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phước và Tòa án cấp phúc thẩm.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/12/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tây N1, anh Nguyễn Vinh E và anh Nguyễn Phước V3 trình bày:*

Chúng tôi là con và dâu của bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P. Hiện tại chúng tôi đang ở trên phần đất tranh chấp. Nay ý kiến của chúng tôi là đồng ý với ý kiến của bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P.

- *Tại Công văn số 461/VPĐKĐĐ-HCTH ngày 26/02/2020 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T xác định:*

Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ, việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa đất số 291, 292, 304, 305, 306, 315, 316, 479 thuộc tờ bản đồ C4 tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang từ bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P sang cho ông Trần Hữu D, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T thực hiện xác nhận nội dung chuyển nhượng vào trang 3 Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T11. Về quan hệ tranh chấp, xác định đây là quan hệ tranh chấp “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 và 34 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, trường hợp Tòa án có bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật liên quan đến việc hủy Giấy chứng nhận thì Văn phòng sẽ căn cứ để thực hiện.

- *Tại Công văn số 881/CCTHADS ngày 25/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xác định:*

Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P có nghĩa vụ thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An đối với 35 bản án, quyết định với số tiền án phí là 391.428.356 đồng và hoàn trả công dân với số tiền là 35.743.523.000 đồng. Tổng cộng 36.134.951.356 đồng. Đề nghị Tòa án xử lý vụ việc theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng: Điều 116, 117, 119, 122, 123, 131, 132, 158, 163, 164, 221, 274, 276, 278, 281, 407, 408, 579, 580 của Bộ luật dân sự; Điều 99, 100, 166, 169, 170, 203 của Luật đất đai; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Hữu D yêu cầu: Buộc chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; tự tháo dỡ, di dời nhà và cây trồng trên đất, giao cho anh Trần Hữu D 08 thửa đất có số thửa là 291, 292, 304, 305, 306, 315, 316, 479, thuộc tờ bản đồ C4, có tổng diện tích là 137.766m² tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang do anh Trần Hữu D đang đứng tên quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất gồm trụ điện + 01 bình điện hạ thế + dây điện.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đối với 08 thửa đất có số thửa 291, 292, 304, 305, 306, 315, 316, 479, thuộc tờ bản đồ C4, có tổng diện tích là 137.766m² tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D là vô hiệu;

2.1. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập ngày 25/5/2017 giữa anh Nguyễn Đức P với anh Trần Hữu D được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T chứng thực số 34 quyền số 01/2017-SCT/HĐ, GD ngày 25/5/2017, đối với các thửa đất gồm:

Số thửa 306, tờ bản đồ C4, diện tích 15.926m², loại đất trồng cây lâu năm.

Số thửa 304, tờ bản đồ C4, diện tích 15.925m², loại đất trồng cây lâu năm.

Số thửa 305, tờ bản đồ C4, diện tích 15.692m², loại đất trồng cây lâu năm.

Số thửa 292, tờ bản đồ C4, diện tích 14.585m², loại đất trồng cây lâu năm.

Số thửa 316, tờ bản đồ C4, diện tích 15.925m², loại đất rừng sản xuất.

Tất cả các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2.2. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập ngày 25/5/2017 giữa chị Trần Thị T và anh Trần Hữu D được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực số 35 quyền số 01/2017-SCT/HĐ, GD ngày 25/5/2017, đất đối với các thửa đất gồm:

Số thửa 291, tờ bản đồ C4, diện tích 14.691m², loại đất rừng sản xuất.

Số thửa 315, tờ bản đồ C4, diện tích 15.926m², loại đất trồng cây lâu năm.

Số thửa 479, tờ bản đồ C4, diện tích 29.096m², loại đất trồng cây lâu năm.

Tất cả các thửa đất cùng tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2.3. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Trần Hữu D bằng hình thức được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T ký xác nhận

việc chuyển nhượng vào trang 03 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày 20/6/2017, đối với các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau:

Số thửa 291, diện tích 14.691m², tờ bản đồ số C4, loại đất rừng sản xuất, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/5/2014, số CH00682 do chị Trần Thị T đứng tên.

Số thửa 292, diện tích 14.585m², tờ bản đồ số C4, loại đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/12/2013, số CH00628 do anh Nguyễn Đức P đứng tên.

Số thửa 316, diện tích 15.925m², tờ bản đồ số C4, loại đất rừng sản xuất, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/12/2013, số CH00629 do anh Nguyễn Đức P đứng tên.

Số thửa 315, diện tích 15.926m², tờ bản đồ số C4, loại đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/5/2014, số CH00683 chị Trần Thị T đứng tên.

Số thửa 479, diện tích 29.096m², tờ bản đồ số C4, loại đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/5/2014, số CH00684 chị Trần Thị T đứng tên.

Số thửa 305, diện tích 15.692m², tờ bản đồ số C4, loại đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/12/2013, số CH00627 do anh Nguyễn Đức P đứng tên.

Số thửa 304, diện tích 15.925m², tờ bản đồ số C4, loại đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/12/2013, số CH00635 do anh Nguyễn Đức P đứng tên.

Số thửa 306, diện tích 15.926m², tờ bản đồ số C4, loại đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/12/2013, số CH00634 do anh Nguyễn Đức P đứng tên.

2.4. Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P phải trả cho anh Trần Hữu D số tiền chuyển nhượng đất là 5.700.003.000 đồng và 3.784.801.992 đồng tiền lãi. Tổng cộng là **9.484.804.992 đồng** (Chín tỷ, bốn trăm tám mươi bốn triệu, tám trăm lẻ bốn nghìn, chín trăm chín mươi hai đồng). Thực hiện nghĩa vụ giao trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh Trần Hữu D có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại 357, điều 468 của Bộ luật dân sự, tại thời điểm thanh toán.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Văn V.

3.1. Hủy hợp đồng chuyển nhượng 08 thửa đất có số thửa là 291, 292, 304, 305, 306, 315, 316, 479, thuộc tờ bản đồ C4, có tổng diện tích là 137.766m² tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P với anh Trần Hữu D được xác lập ngày 25/5/2017; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Trần Hữu D được xác nhận vào trang 03 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3.2. Buộc chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P phải có nghĩa vụ tách chuyển quyền sử dụng đất cho anh Huỳnh Văn V phần đất có số thửa mới là 838, diện tích thực đo 10.019m² nằm trong số thửa 291, diện tích 14.691m², tờ bản đồ số C4, loại

đất rừng sản xuất, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/5/2014, số CH00682 do chị Trần Thị T đứng tên.

Phần đất tách chuyển có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Huỳnh Văn V được quyền liên hệ với các cơ quan quản lý đất đai để lập thủ tục xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P tách chuyển cho anh theo quyết định này.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H1.

Buộc chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P phải có nghĩa vụ tách chuyển quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn H1 có tổng diện tích 23.678,7m² gồm:

Toàn bộ thửa đất số 316, tờ bản đồ C4, diện tích 15.925m², loại đất rừng sản xuất, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/12/2013, số CH00629 do anh Nguyễn Đức P đứng tên;

Một phần thửa đất số 479 (số thửa mới 842), tờ bản đồ C4, diện tích thực đo 6.202,3m² nằm trong tổng diện tích 29.096m², loại đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/5/2014, số CH00648 do chị Trần Thị T đứng tên;

Một phần thửa đất số 315 (số thửa mới 840), tờ bản đồ C4, diện tích thực đo 1.551,4m² nằm trong tổng diện tích 15.926m², loại đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/5/2014, số CH00683 do bà Trần Thị T đứng tên.

Phần đất tách chuyển có sơ đồ kèm theo. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Nguyễn Văn H1 được quyền liên hệ với các cơ quan quản lý đất đai để lập thủ tục xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P tách chuyển cho anh theo quyết định này.

5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn X; ông Đặng Văn K; bà Nguyễn Thị G; ông Trần Văn N; ông Lê Văn T4 và bà Bùi Thị Lệ L; anh Nguyễn Văn Đ1; anh Nguyễn Văn T5; anh Lê Văn Đ2; anh Phan Văn T6; bà Đặng Thị V1 và Công ty L2.

Hủy hợp đồng chuyển nhượng 08 thửa đất có số thửa là 291, 292, 304, 305, 306, 315, 316, 479, thuộc tờ bản đồ C4, có tổng diện tích là 137.766m² tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P với anh Trần Hữu D được xác lập ngày 25/5/2017; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Trần Hữu D được xác nhận vào trang 03 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6. Về án phí:

- Anh Trần Hữu D phải chịu 600.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 18994 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, anh D còn phải nộp tiếp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh, chị đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 19040 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Hoàn trả cho anh Huỳnh Văn V số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 19013 ngày 24/11/2017 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 19163 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn X số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 19014 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Hoàn trả cho ông Đặng Văn K số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 19012 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị G số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 19053 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn H1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 19375 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Hoàn trả cho ông Trần Văn N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 20155 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Hoàn trả cho ông Lê Văn T4 và bà Bùi Thị Lệ L số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông, bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 20153 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV L2 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Công ty đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 20123 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn Đ1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 20200 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn T5 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 20201 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Hoàn trả cho anh Lê Văn Đ2 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 20203 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Hoàn trả cho anh Phan Văn T6 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 20202 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Hoàn trả cho bà Đặng Thị V1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 20226 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Ngày 05 tháng 02 năm 2024, nguyên đơn ông Trần Hữu D nộp đơn kháng cáo cùng biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm.

- Ngày 15/02/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang kháng nghị toàn bộ bản dân sự sơ thẩm số 11/2024/DSST ngày 31/01/2024 theo quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 15/02/2024.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Hữu D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông. Ông thống nhất với kết quả biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/7/2024 do không có thay đổi gì đáng kể so với lần thẩm định tại cấp sơ thẩm. Đối với cây khóm, cây tràm trên 08 (tám) thửa đất ông không có tranh chấp. Ông D chỉ yêu cầu nhận đất và tài sản trên đất gồm trụ điện + 01 bình điện hạ thế + dây điện.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T9, ông Nguyễn Đức P, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn V và anh Nguyễn Văn H1 cùng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hữu D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm thẩm số 11/2024/DSST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: ông Nguyễn Văn X; ông Đặng Văn K; bà Nguyễn Thị G; ông Trần Văn N; ông Lê Văn T4; bà Bùi Thị Lê L; anh Nguyễn Văn Đ1; anh Nguyễn Văn T5; anh Lê Văn Đ2; anh Phan Văn T6; bà Đặng Thị V1 và Công ty TNHH MTV L2 yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông nguyên đơn ông Trần Hữu D và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DSST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của anh Huỳnh Văn V và anh Nguyễn Văn H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang và chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hữu D, áp dụng Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DSST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu D; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị T, ông Nguyễn Đức P và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Nguyễn Văn H1; anh Huỳnh Văn V; ông Nguyễn Văn X; ông Đặng Văn K; bà Nguyễn Thị G; ông Trần Văn N; ông Lê Văn T4; bà Bùi Thị Lê L; anh Nguyễn Văn Đ1; anh Nguyễn Văn T5; anh Lê Văn Đ2; anh Phan Văn T6; bà Đặng Thị V1 và Công ty TNHH MTV L2.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của đơn ông Trần Hữu D; yêu cầu khởi kiện phản tố của chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P; yêu cầu khởi kiện độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan gồm anh Nguyễn Văn H1; anh Huỳnh Văn V; ông Nguyễn Văn X; ông Đặng Văn K; bà Nguyễn Thị G; ông Trần Văn N; ông Lê Văn T4; bà Bùi Thị Lệ L; anh Nguyễn Văn Đ1; anh Nguyễn Văn T5; anh Lê Văn Đ2; anh Phan Văn T6; bà Đặng Thị V1 và Công ty TNHH MTV L2. Tòa cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp “Quyền sử dụng đất; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” quy định tại Khoản 3, 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2]. Xét thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Ngày 31/01/2024, Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang ban hành bản án số 11/2024/DSST, đến ngày 05 tháng 02 năm 2024, nguyên đơn ông Trần Hữu D nộp đơn kháng cáo cùng biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm. Tiếp đến ngày 15/02/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang kháng nghị toàn bộ bản dân sự sơ thẩm số 11/2024/DSST ngày 31/01/2024 theo quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS. Như vậy, kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hữu D, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hữu D yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DSST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1]. Xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất giữa nguyên đơn ông Trần Hữu D và bị đơn ông Nguyễn Đức P bà Trần Thị T xác lập ngày 25/5/2017:

[3.1.1]. Về hình thức của hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển nhượng tám thửa đất và tài sản trên đất từ vợ chồng bà Trần Thị T, ông Nguyễn Đức P sang cho ông Trần Hữu D, được lập thành văn bản, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo đúng quy định pháp luật và được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T tiếp nhận và giải quyết hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng các thửa đất số 291, 292, 304, 305, 306, 315, 316, 479 thuộc tờ bản đồ C4 tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang từ bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P sang cho ông Trần Hữu D, xác nhận nội dung chuyển nhượng vào trang 3 Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T11 nên về hình thức hợp đồng chuyển nhượng đất nêu trên giữa các bên là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3.1.2]. Về nội dung của hợp đồng: Trước khi ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển 08 (tám) thửa đất và tài sản trên đất cho ông Trần Hữu D thì 08 (tám) thửa đất của bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P đang bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quyết định số 08/QĐ-CCTHA ngày 27/3/2017 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành các Quyết định Thi hành án:

Theo Quyết định Thi hành án số 111/QĐ-CCTHADS ngày 08/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, ông P và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bùi Văn T8 – sinh năm 1946, ĐKTT: khu phố B, thị trấn M, huyện T, Tiền Giang số tiền 318.000.000 đồng.

Theo Quyết định Thi hành án số 112/QĐ-CCTHADS ngày 08/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, ông P và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn P2 – sinh năm 1974, ĐKTT: M, xã P, huyện T, Tiền Giang số tiền 360.000.000 đồng.

Theo Quyết định Thi hành án số 114/QĐ-CCTHADS ngày 16/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, ông P và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho ngân hàng TMCP C chi nhánh T12 số tiền vốn, lãi là 4.179.440.000 đồng vào ngày 10/3/2017. Đến hạn, nếu ông P và bà T1 không trả sẽ phát mãi tài sản thế chấp tại ngân hàng TMCP C là 08 (tám) thửa đất gồm thửa số: 291, 292, 304, 305, 306, 315, 316 và thửa 479, TĐĐ C4 có tổng diện tích 137.766 m² địa chỉ các thửa đất tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Theo Quyết định Thi hành án số 115/QĐ-CCTHADS ngày 16/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, ông P và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Châu Văn P3 – sinh năm 1974, ĐKTT: phường F, thành phố B số tiền 85.530.000 đồng.

Theo Quyết định Thi hành án số 116/QĐ-CCTHADS ngày 16/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, ông P và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Thị Kim H3 – sinh năm 1961, ĐKTT: đường N, khu phố D, phường A, thành phố M số tiền 550.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông P và bà T có nghĩa vụ Thi hành án là 5.581.148.000 đồng. Do hết thời hạn tự nguyện thi hành án nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước ra quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quyết định số 08/QĐ-CCTHA ngày 27/3/2017 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án theo quyết định số 111, 112/QĐ- CCTHADS ngày 8/3/2017, quyết định số 114, 115 và 116/QĐ- CCTHADS ngày 16/3/2017.

Đến ngày 31/3/2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước tiến hành kê biên Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 291, 292, 304, 305, 306, 315, 316 và thửa 479, TĐĐ C4 có tổng diện tích 137.766 m². Địa chỉ các thửa đất tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang và kê biên tài sản gắn liền với đất là bình điện hạ thế, đường dây điện, trụ điện hạ thế và toàn bộ cây thanh long 2-3 năm tuổi. Trong biên bản kê biên ngày 31/3/2017, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án đã giải thích cho các đương sự là người phải thi hành án, người được thi hành án được quyền thỏa thuận giá về tài sản. Các bên thống nhất giá 08 thửa đất và hoa lợi trên đất là 5.400.000.000 đồng, bình điện hạ thế, đường dây điện là 200.000.000 đồng, tổng giá trị là 5.600.000.000 đồng. Tại thời điểm thỏa thuận giá chưa có người mua. Chấp hành viên Chi cục Thi hành án đã giải thích cho người phải thi hành án, người được thi hành án được quyền tìm người mua toàn bộ tài sản kê biên thi hành án để giảm bớt chi phí đấu giá. Các đương sự không yêu cầu thẩm định, định giá tài sản do thỏa thuận được giá để giảm bớt chi phí thẩm định, định giá. Thống nhất chọn tổ chức bán đấu giá T13 chi nhánh T12 bán đấu giá tài sản.

Đến ngày 23/5/2017, ông P và bà T thông báo cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước là ông Trần Hữu D đồng ý mua toàn bộ tài sản kê biên theo biên bản kê biên ngày 31/3/2017 với giá 5.700.000.000 đồng, giá này cao hơn giá các đương sự thỏa thuận trong biên bản kê biên ngày 31/3/2017. Đồng thời lập biên bản thỏa thuận thi hành án về bán tài sản cưỡng chế kê biên ngày 31/3/2017. Trong

ngày 24/5/2017, ông D đã nộp thay ông P, bà T tổng số tiền 5.700.000.000 đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, như vậy bà T và ông P đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang ra quyết định số 07/QĐ-CCTHADS ngày 23/5/2017, giải tỏa kê biên tài sản của ông P bà T. Do đó, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản kê biên gắn liền với đất của ông P bà T với ông D giai đoạn này là thuộc thẩm quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Ông Trần Hữu D trả tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất thông qua Chi cục Thi hành án huyện Tân Phước chứ không trả trực tiếp cho bà T và ông P. Do đó, việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của ông P, bà T với ông D là thông qua Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Đồng thời tại thời điểm lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 08 (tám) thửa đất và tài sản trên đất ngày 25/5/2017, giữa ông D với ông P và bà T, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang không có nhận văn bản hay quyết định ủy thác nghĩa vụ thi hành án liên quan đến ông P và bà T từ Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. Việc ông P và bà T chuyển nhượng 08 (tám) thửa đất gồm: thửa 291, 292, 304, 305, 306, 315, 316 và thửa 479, TĐĐ C4 có tổng diện tích 137.766 m² và tài sản gắn liền với đất cho ông D khi các tài sản này đã bị kê biên để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án. Vào thời điểm ngày 25/5/2017, khi hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng 08 (tám) thửa đất và tài sản trên đất Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước đã ban hành Quyết định giải tỏa kê biên số 07/QĐ-CCTHADS ngày 23/5/2017 đang có hiệu lực pháp luật nên việc chuyển nhượng giữa các bên là đúng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, tại thời điểm Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An ban hành thông báo số 786 ngày 26/8/2016 thì 08 (tám) thửa đất của bà T, ông P đang được thế chấp cho các khoản vay của ông bà với Ngân hàng C chi nhánh T12. Theo hợp đồng vay nếu bên B là ông P, bà T không có khả năng trả tiền vay thì các bên có quyền thỏa thuận thanh lý tài sản đảm bảo để thanh toán cho các khoản vay. Căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/QĐST-DS ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang có nội dung “ông P và bà T có nghĩa vụ liên đới trả cho ngân hàng TMCP C chi nhánh T12 số tiền vốn, lãi là 4.179.440.000 đồng vào 10/4/2017. Đến hạn, nếu ông P và bà T1 không trả sẽ phát mãi tài sản thế chấp tại ngân hàng TMCP C là 08 (tám) thửa đất gồm thửa số: 291, 292, 304, 305, 306, 315, 316 và thửa 479, TĐĐ C4 có tổng diện tích 137.766 m² địa chỉ các thửa đất tại ấp M, xã T, huyện T”. Trong quá trình Thi hành án, các bên đã tự nguyện thỏa thuận bán tài sản trên với mục đích là đảm bảo thi hành án cho Ngân hàng, phần tiền còn dôi dư đã thi hành luôn cho 4 người được thi hành án có đơn yêu cầu cùng lúc với Ngân hàng, các khoản án phí, phí thi hành án mà bên ông P, bà T phải chịu. Trong trường hợp này, ông P, bà T không có dấu hiệu tẩu tán tài sản nên không ảnh hưởng đến các Quyết định Thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Tòa án cấp sơ thẩm xem thông báo số 786 ngày 26/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An là đối tượng không thể thực hiện được của hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất

được xác lập ngày 25/5/2017 giữa bà Trần Thị T ông Nguyễn Đức P và ông Trần Hữu D do UBND xã T, huyện T chứng thực hợp đồng số 34, quyển số 1, ngày 25/5/2017 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được xác lập ngày 25/5/2017 giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D do UBND xã T, huyện T chứng thực hợp đồng số 35, quyển số 1, ngày 25/5/2017 để tuyên bố hợp đồng vô hiệu dẫn đến hủy 02 (hai) hợp đồng nêu trên và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Hữu D đối với các thửa số 291, 292, 304, 305, 306, 315, 316 và thửa 479, TĐĐ C4 có tổng diện tích 137.766m² địa chỉ các thửa đất tại ấp M UBND xã T, huyện T là không có căn cứ. Vì công văn số 786 ngày 26/8/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An là văn bản thông báo chứ không phải là quyết định của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. Ông Trần Hữu D là người nhận chuyển nhượng ngay tình, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D.

[3.2]. Xét ý kiến của bị đơn bà Trần Thị T ông Nguyễn Đức P: Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm bà T, ông P không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh hợp đồng chuyển nhượng 08 (tám) thửa đất và tài sản gắn liền trên đất đang tranh chấp với ông Trần Hữu D là hợp đồng giả cách thực tế đó là hợp đồng thế chấp cho khoản vay 5.700.000.000 đồng giữa ông, bà với ông D. Bà T cho rằng khi thỏa thuận chuyển nhượng đất cho ông D giữa bà T, ông P, ông D và ông Nguyễn Văn T10 (Chi cục Trưởng Chi cục Thi hành án huyện Tân Phước cũng là chấp hành viên trực tiếp thi hành vụ án nói trên) có thỏa thuận miệng sau này sẽ cho ông bà chuộc lại 08 (tám) thửa đất trên với giá vốn là 5,7 tỷ đồng và lãi theo ngân hàng nhưng bà T và ông P không có căn cứ chứng minh. Việc này cũng không được ông D và ông T10 thừa nhận nên không có cơ sở chứng minh hai “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được xác lập ngày 25/5/2017 giữa bà Trần Thị T ông Nguyễn Đức P và ông Trần Hữu D do UBND xã T, huyện T chứng thực hợp đồng số 34, quyển số 1, ngày 25/5/2017 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được xác lập ngày 25/5/2017 giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D do UBND xã T, huyện T chứng thực hợp đồng số 35, quyển số 1, ngày 25/5/2017” là hợp đồng giả tạo nhằm che đậy hợp đồng vay tài sản giữa các bên. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên đã được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về hình thức, nội dung đảm bảo trình tự, thủ tục nên được công nhận. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bà T và ông P.

[3.3]. Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn V, anh Nguyễn Văn H1: Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của anh H1, anh V, ông P và bà T là những người có quan hệ bà con, thân thích với nhau, căn cứ vào các hóa đơn bán trái thanh long bản phô tô “*anh Vũ Tân P4 – TG*” không có chữ ký, dấu mộc và lời khai anh V và anh H1 có trực tiếp quản lý và canh tác trên phần đất tranh chấp để làm chứng cứ để chấp nhận yêu cầu của anh V và anh H1 là không phù hợp với quy định của pháp luật. Việc anh H1, anh V, ông P và chị T có thỏa thuận với nhau đứng tên dùm các quyền sử dụng đất, tuy nhiên việc tự thỏa thuận này là vi phạm điều cấm của pháp luật “*làm ảnh hưởng*

đến quyền và lợi ích hợp pháp của người thứ ba”. Theo quy định của pháp luật, đất là tài sản bất buộc chủ sở hữu phải đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận nhưng anh V và anh H1 không đăng ký kê khai. Khi 08 (tám) thửa đất nêu trên bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện T ra quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo quyết định số 08/QĐ-CCTHA ngày 27/3/2017, để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án thì anh V và anh H1 cũng không có ý kiến gì khi quyền lợi của mình bị xâm phạm. Đến ngày 17/11/2017, anh V có đơn khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 291, 292, 304, 305, 306, 315, 316 và 479, thuộc thửa tờ bản đồ C4, đến ngày 26/2/2018 có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu tách chuyển diện tích 10.000 m² nằm trong thửa số 291, có diện tích 14.691m², tờ bản đồ số C4. Tương tự đến tháng 7/2018 anh H1 có đơn khởi kiện đòi đất. Tuy nhiên, giữa bà T, ông P, anh H1 và ông V thống nhất có việc đứng tên thay trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng như đã nhận định tại mục [3.1] 08 (tám) thửa đất tranh chấp do ông P bà T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp và đã được chuyển nhượng cho ông Trần Hữu D đúng trình tự thủ tục nên không có cơ sở giao đất cho anh H1 và anh V. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, anh V và anh H1 không yêu cầu nhận giá trị tài sản nên Hội đồng xét xử không thể xem xét buộc ông P và bà T liên đới trả giá trị đất cho anh H1, anh V. Nếu các bên không thỏa thuận được và có tranh chấp sẽ được thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[3.4]. Xét yêu cầu khởi kiện độc lập của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn X, ông Đặng Văn K, bà Nguyễn Thị G, ông Trần Văn N, ông Lê Văn T4 và bà Bùi Thị Lệ L, anh Nguyễn Văn Đ1, anh Nguyễn Văn T5, anh Lê Văn Đ2, anh Phan Văn T6, bà Đặng Thị V1 và Công ty TNHH MTV L2: Như đã nhận định tại mục [3.1] xét thấy “*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được xác lập ngày 25/5/2017 giữa bà Trần Thị T ông Nguyễn Đức P và ông Trần Hữu D do UBND xã T, huyện T chứng thực hợp đồng số 34, quyển số 1, ngày 25/5/2017 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được xác lập ngày 25/5/2017 giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D do UBND xã T, huyện T chứng thực hợp đồng số 35, quyển số 1, ngày 25/5/2017*” là hợp pháp nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[4]. Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm với nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu D; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Trần Thị T, ông Nguyễn Đức P và yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Nguyễn Văn H1; anh Huỳnh Văn V; ông Nguyễn Văn X; ông Đặng Văn K; bà Nguyễn Thị G; ông Trần Văn N; ông Lê Văn T4; bà Bùi Thị Lệ L; anh Nguyễn Văn Đ1; anh Nguyễn Văn T5; anh Lê Văn Đ2; anh Phan Văn T6; bà Đặng Thị V1 và Công ty TNHH MTV L2. Xét đề nghị kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ phù hợp với nhân định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Từ phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu D là có thiếu sót nên cần sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[6]. Hiện trạng trên đất tranh chấp theo biên bản xem xét thẩm định ngày 09/7/2024, các bên đương sự thống nhất không có ý kiến do không có thay đổi gì đáng kể so với lần thẩm định tại cấp sơ thẩm. Đối với cây khóm, cây tràm trên 08 (tám) thửa đất các bên không có tranh chấp. Ông D cũng không có yêu cầu gì đối với cây trồng chỉ yêu cầu nhận đất và tài sản trên đất gồm trụ điện + 01 bình điện hạ thế + dây điện. Do các đương sự thống nhất không tranh chấp cây trồng trên đất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Trần Hữu D được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp.

[8]. Các phần khác theo bản án dân sự sơ thẩm không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự

Căn cứ các Điều 116, 117, 119, 221, 274, 276, 278, 500, 501, 502, 503, 579, 580 của Bộ luật dân sự; Điều 99, 100, 166, 169, 170, 203 của Luật đất đai; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hữu D, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DSST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

1.1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu D: Buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P phải tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được xác lập ngày 25/5/2017 giữa bà Trần Thị T ông Nguyễn Đức P và ông Trần Hữu D do UBND xã T, huyện T chứng thực hợp đồng số 34, quyển số 1, ngày 25/5/2017 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được xác lập ngày 25/5/2017 giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D do UBND xã T, huyện T chứng thực hợp đồng số 35, quyển số 1, ngày 25/5/2017*), tự tháo dỡ, di dời nhà và cây trồng trên đất, giao cho ông Trần Hữu D 08 (tám) thửa đất có số thửa là 291, 292, 304, 305, 306, 315, 316, 479, thuộc tờ bản đồ C4, có tổng diện tích là 137.766 m² tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang do ông Trần Hữu D đang đứng tên quyền sử dụng đất và

các tài sản trên đất gồm trụ điện + 01 bình điện hạ thế + dây điện (có sơ đồ vị trí kèm theo).

1.2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P về việc yêu cầu “Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được xác lập ngày 25/5/2017 giữa bà Trần Thị T ông Nguyễn Đức P và ông Trần Hữu D do UBND xã T, huyện T chứng thực hợp đồng số 34, quyển số 1, ngày 25/5/2017 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được xác lập ngày 25/5/2017 giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D do UBND xã T, huyện T chứng thực hợp đồng số 35, quyển số 1, ngày 25/5/2017*) đối với 08 thửa đất có số thửa 291, 292, 304, 305, 306, 315, 316, 479, thuộc tờ bản đồ C4, có tổng diện tích là 137.766m² tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D là vô hiệu”.

1.3. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn V về việc:

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được xác lập ngày 25/5/2017 giữa bà Trần Thị T ông Nguyễn Đức P và ông Trần Hữu D do UBND xã T, huyện T chứng thực hợp đồng số 34, quyển số 1, ngày 25/5/2017 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được xác lập ngày 25/5/2017 giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D do UBND xã T, huyện T chứng thực hợp đồng số 35, quyển số 1, ngày 25/5/2017*) đối với 08 thửa đất có số thửa là 291, 292, 304, 305, 306, 315, 316, 479, thuộc tờ bản đồ C4, có tổng diện tích là 137.766m² tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P với anh Trần Hữu D được xác lập ngày 25/5/2017; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Trần Hữu D được xác nhận vào trang 03 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P phải có nghĩa vụ tách chuyển quyền sử dụng đất cho anh Huỳnh Văn V phần đất có số thửa mới là 838, diện tích thực đo là 10.019m² nằm trong số thửa 291, diện tích 14.691m², tờ bản đồ số C4, loại đất rừng sản xuất, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/5/2014, số CH00682 do chị Trần Thị T đứng tên.

1.4. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H1 về việc:

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được xác lập ngày 25/5/2017 giữa bà Trần Thị T ông Nguyễn Đức P và ông Trần Hữu D do UBND xã T, huyện T chứng thực hợp đồng số 34, quyển số 1, ngày 25/5/2017 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được xác lập ngày 25/5/2017 giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D do UBND xã T, huyện T chứng thực hợp đồng số 35, quyển số 1, ngày 25/5/2017*) đối với 08 thửa đất có số thửa là 291, 292, 304, 305, 306, 315, 316, 479, thuộc tờ bản đồ C4, có tổng diện tích là 137.766m² tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P với anh Trần Hữu D được xác lập ngày

25/5/2017; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Trần Hữu D được xác nhận vào trang 03 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Buộc chị Trần Thị T và anh Nguyễn Đức P phải có nghĩa vụ tách chuyển quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn H1 có tổng diện tích 23.678,7m² gồm: Toàn bộ thửa đất số 316, tờ bản đồ C4, diện tích 15.925m², loại đất rừng sản xuất, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/12/2013, số CH00629 do anh Nguyễn Đức P đứng tên; Một phần thửa đất số 479 (số thửa mới 842), tờ bản đồ C4, diện tích thực đo 6.202,3m² nằm trong tổng diện tích 29.096m², loại đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/5/2014, số CH00648 do chị Trần Thị T đứng tên; Một phần thửa đất số 315 (số thửa mới 840), tờ bản đồ C4, diện tích thực đo 1.551,4m² nằm trong tổng diện tích 15.926m², loại đất trồng cây lâu năm, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/5/2014, số CH00683 do bà Trần Thị T đứng tên.

1.5. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Nguyễn Văn X; ông Đặng Văn K; bà Nguyễn Thị G; ông Trần Văn N; ông Lê Văn T4 và bà Bùi Thị Lệ L; anh Nguyễn Văn Đ1; anh Nguyễn Văn T5; anh Lê Văn Đ2; anh Phan Văn T6; bà Đặng Thị V1 và Công ty L2 về việc: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được xác lập ngày 25/5/2017 giữa bà Trần Thị T ông Nguyễn Đức P và ông Trần Hữu D do UBND xã T, huyện T chứng thực hợp đồng số 34, quyển số 1, ngày 25/5/2017 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất được xác lập ngày 25/5/2017 giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D do UBND xã T, huyện T chứng thực hợp đồng số 35, quyển số 1, ngày 25/5/2017*) đối với 08 thửa đất có số thửa là 291, 292, 304, 305, 306, 315, 316, 479, thuộc tờ bản đồ C4, có tổng diện tích là 137.766m² tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang giữa bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P với ông Trần Hữu D được xác lập ngày 25/5/2017; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Trần Hữu D được xác nhận vào trang 03 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

1.6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Hữu D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho ông D 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 18994 ngày 16/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Bà Trần Thị T và ông Nguyễn Đức P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông, bà đã nộp theo biên lai thu số 19040 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Anh Huỳnh Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 19013 ngày 24/11/2017; hoàn lại cho anh V 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 19163 ngày 05/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Ông Nguyễn Văn X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 19014 ngày 24/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Ông Đặng Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 19012 ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 19053 ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Anh Nguyễn Văn H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 19375 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Ông Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 20155 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Ông Lê Văn T4 và bà Bùi Thị Lệ L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông, bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 20153 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Công ty TNHH MTV L2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Công ty đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 20123 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

- Anh Nguyễn Văn Đ1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 20200 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. H4 lại cho anh Đ1 300.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn T5 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 20201 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. H4 lại cho anh Đ1 300.000 đồng.

- Anh Lê Văn Đ2 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 20203 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. H4 lại cho anh Đ2 300.000 đồng.

- Anh Phan Văn T6 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 20202 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. H4 lại cho anh T6 300.000 đồng.

- Bà Đặng Thị V1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà đã nộp 600.000 đồng theo biên lai thu số 20226 ngày 15/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. H4 lại cho bà V1 300.000 đồng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Hữu D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho ông D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 20226 ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

3. Các phần khác theo bản án dân sự sơ thẩm không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 20 phút ngày 23 tháng 8 năm 2024, có mặt ông D, anh V, ông X, ông K, bà G, ông H1, Đại diện Công ty TNHH MTV L2, ông N, ông T4, anh Đ1, anh T5, anh Đ2, bà V1, Đại diện Ủy ban nhân dân xã T, huyện T.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công bố bản án CTTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- DSPT-2024-T

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Tính